

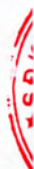
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG – T.D.K



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 2, Tháp CEO, Phạm Hùng, Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty cổ phần chứng khoán Artex (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 và Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng tương ứng với 13.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

TT Tên thành viên	Theo Giấy cấp phép và hoạt động của Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước			Theo thực tế vốn góp 31/12/2010		
	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
1. Công ty CP XNK Thủ Công và Mỹ Nghệ	1.900.000	19.000.000.000	14%	-	-	0%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	3.650.000	36.500.000.000	27%	3.650.000	36.500.000.000	27%
3. TCT Máy động lực và Máy Nông nghiệp	3.200.000	32.000.000.000	24%	-	-	0%
4. Trịnh Văn Quyết	1.000.000	10.000.000.000	7%	6.100.000	61.000.000.000	45%
5. Đường Ngọc Hà	2.000.000	20.000.000.000	15%	2.000.000	20.000.000.000	15%
6. Các cổ đông khác	1.750.000	17.500.000.000	13%	1.750.000	17.500.000.000	13%
Cộng	13.500.000	135.000.000.000	100%	13.500.000	135.000.000.000	100%

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Theo giấy phép điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước thì địa điểm trụ sở chính của Công ty là: Tầng 2, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Trịnh Văn Quyết, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trịnh Văn Quyết Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 2, Tháp CEO, Phạm Hùng, Hà Nội.

Ông Dương Kim Ngọc	Ủy viên
Ông Đường Ngọc Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên

Các Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Chung	Thành viên
Ông Lê Đình Vinh	Thành viên
Ông Phan Quang Trường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Quang Huy	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh. .

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Trong năm, Công ty đã phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu chưa niêm yết cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đại Dương với tổng doanh thu là 44.096.600.000 đồng và số tiền còn phải thu tại ngày 31/12/2010 là 70.120.260.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc nhận định vấn đề này sẽ không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2010.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex phê duyệt Báo cáo tài chính cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.



Trịnh Văn Quyết

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

Trần Quang Huy

Tổng Giám đốc



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23/61 đường Trần Duy Hưng	-Tel: (04)6 251 0008	-Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền Nam	: C14, Quang Trung, phường 11	-Tel: (08)3 589 7462	-Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP.HCM	: Số 28 Đặng Tắt, quận 1, TP. HCM	-Tel: (08)3 848 0763	-Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng	-Tel: (0511) 3 651 818	-Fax: (0511) 3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu	-Tel: (025)3 718 545	-Fax: (025)3 716 264

Số : 22/2011 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

Kính gửi:

**Cổ đông, Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex .**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

- Số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính năm tài chính 2010 là số dư cuối kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Từ Quỳnh Hạnh
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0313/KTV
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đoàn Thị Hồng Thái
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0931/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-CTCK
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.506.588.581	329.824.320.087
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.573.295.638	45.530.352.771
1. Tiền	111	3	21.573.295.638	45.530.352.771
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	47.900.264.800	54.576.732.230
1. Đầu tư ngắn hạn	121		55.694.168.294	57.045.062.177
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.793.903.494)	(2.468.329.947)
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.598.762.097	229.502.280.972
1. Phải thu khách hàng	131	5.1	70.254.260.000	3.021.874.384
2. Trả trước cho người bán	132		1.160.073.849	664.938.433
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.2	49.123.956.173	204.803.989.935
4. Các khoản phải thu khác	138		60.472.075	21.011.478.220
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		6.434.266.046	214.954.114
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.716.997	43.087.908
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.391.549.049	171.866.206
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.586.927.008	10.586.644.365
I- Tài sản cố định	220		5.021.287.193	9.137.072.105
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	3.374.180.645	6.344.593.557
- Nguyên giá	222		11.776.224.645	11.109.747.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.402.044.000)	(4.765.154.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	1.647.106.548	2.792.478.548
- Nguyên giá	228		3.802.793.548	3.702.793.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.155.687.000)	(910.315.000)
II- Tài sản dài hạn khác	260		1.565.639.815	1.449.572.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	413.159.642	1.266.128.998
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	9	1.152.480.173	183.443.262
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		203.093.515.589	340.410.964.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-CTCK
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		66.685.996.652	195.213.119.415
I- Nợ ngắn hạn	310		66.685.996.652	195.213.119.415
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	-	3.600.000.000
2. Phải trả người bán	312		378.511.000	1.592.104.826
3. Người mua trả tiền trước	313		358.700.000	289.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	357.417.944	2.655.308.981
5. Phải trả người lao động	315		515.221.611	1.530.318.240
6. Chi phí phải trả	316	12	329.242.385	680.755.990
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	10.938.161.150	162.378.217.314
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		156.257.600	502.796.100
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		403.060.533	-
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	14	53.249.424.429	21.984.117.964
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.407.518.937	145.197.845.037
I- Vốn chủ sở hữu	410	15	136.407.518.937	145.197.845.037
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		509.892.252	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		509.892.252	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		387.734.433	10.197.845.037
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		203.093.515.589	340.410.964.452

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
6. Chứng khoán lưu ký	006		253.683.830.000	182.946.550.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		161.148.390.000	111.571.400.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		22.140.750.000	5.771.040.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		139.007.640.000	105.800.360.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		43.584.000.000	35.592.150.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		43.584.000.000	35.592.150.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		2.778.000.000	35.783.000.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		-	1.700.800.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		2.778.000.000	34.082.200.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		46.173.440.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		46.173.440.000	



Trần Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Vương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu	01		95.809.801.322	84.417.678.222
<i>Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	01.1		14.196.660.523	22.664.360.061
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn</i>	01.2		60.845.310.833	47.853.793.683
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	01.5		1.047.250.910	1.033.319.935
<i>Doanh thu khác</i>	01.9		19.720.579.056	12.866.204.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		95.809.801.322	84.417.678.222
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		76.230.641.533	29.390.079.821
<i>Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán</i>			54.230.571.534	27.103.618.266
<i>Chi phí dự phòng chứng khoán</i>			22.000.069.999	2.286.461.555
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		19.579.159.789	55.027.598.401
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.159.926.375	20.823.194.492
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		419.233.414	34.204.403.909
8. Thu nhập khác	31		-	2.139.950
9. Chi phí khác	32		-	3.738.287
10. Lợi nhuận khác	40		-	(1.598.337)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		419.233.414	34.202.805.572
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	31.498.981	2.330.256.870
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		387.734.433	31.872.548.702
14. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	29	2.361



Trần Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	65.237.351.544	995.258.824.570
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(29.332.566.874)	(944.913.180.741)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(930.054.808)	(41.871.591)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	10.417.891.625.487	17.576.162.902.753
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(10.420.184.986.082)	(17.567.440.529.696)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(56.118.708.867)	(42.603.556.039)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(7.259.855.220)	(4.795.269.110)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		(420.922.104)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(2.330.256.870)	
12. Tiền thu khác	14	1.795.945.341.937	15.391.124.683
13. Tiền chi khác	15	(1.783.274.947.380)	(12.945.248.544)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.357.057.133)	13.652.274.181
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.857.910.450)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.997.107.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(1.860.802.924)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	62.700.000.000	90.600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(66.300.000.000)	(87.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.600.000.000)	3.600.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23.957.057.133)	15.391.471.257
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.530.352.771	30.138.881.514
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.573.295.638	45.530.352.771

= 47 - 01 T 04 AN G. / A //



Trần Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Vương
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần chứng khoán Artex (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 và Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng tương ứng với 13.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

TT Tên thành viên	Theo Giấy cấp phép và hoạt động của Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước			Theo thực tế vốn góp 31/12/2010		
	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
1. Công ty CP XNK Thủ Công và Mỹ Nghệ	1.900.000	19.000.000.000	14%	-	-	0%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	3.650.000	36.500.000.000	27%	3.650.000	36.500.000.000	27%
3. TCT Máy động lực và Máy Nông nghiệp	3.200.000	32.000.000.000	24%	-	-	0%
4. Trịnh Văn Quyết	1.000.000	10.000.000.000	7%	6.100.000	61.000.000.000	45%
5. Đường Ngọc Hà	2.000.000	20.000.000.000	15%	2.000.000	20.000.000.000	15%
6. Các cổ đông khác	1.750.000	17.500.000.000	13%	1.750.000	17.500.000.000	13%
Cộng	13.500.000	135.000.000.000	100%	13.500.000	135.000.000.000	100%

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Theo giấy phép điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước thì địa điểm trụ sở chính của Công ty là: Tầng 2, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09- CTCK

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-CTCK***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)****Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Việc phân loại khoản đầu tư tài chính, chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Tổng Giám đốc, theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn được trích lập theo quy định hiện hành. Đối với loại chứng khoán có niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thuần có thể thực hiện được xác định căn cứ trên giá niêm yết của loại chứng khoán đó tại ngày 31/12/2010.

Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết được xác định dựa trên giá thị trường của các chứng khoán đó được giao dịch trên thị trường phi tập trung.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)

đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Thời gian sử dụng
Máy móc, thiết bị	03 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 năm
Thiết bị văn phòng	03 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trước thành lập, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trước thành lập bao gồm các khoản chi phí phát sinh trước ngày 03/03/2008 để chuẩn bị cho việc thành lập Công ty. Chi phí này được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian 2 năm.

Các khoản công cụ dụng cụ bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, ... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là chi phí tư vấn thành lập Công ty Cổ phần chứng khoán Artex và một số khoản chi phí khác, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-CTCK***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***3. TIỀN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	8.058.589.402	5.433.605.972
Tiền gửi ngân hàng	8.776.670.956	34.023.475.875
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	4.738.035.280	6.073.270.924
Cộng	21.573.295.638	45.530.352.771

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	55.694.168.294	56.965.989.947
Đầu tư ngắn hạn khác	-	79.072.230
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.793.903.494)	(2.468.329.947)
Cộng	47.900.264.800	54.576.732.230

Chỉ tiêu	Số lượng Chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán VNĐ	So với giá thị trường VNĐ	Tổng giá trị theo giá thị trường VNĐ
Chứng khoán đầu tư				
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.239.254	55.694.168.294	(7.793.903.494)	47.900.264.800
Cộng	2.239.254	55.694.168.294	(7.793.903.494)	47.900.264.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***5. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

CHỈ TIÊU	TM	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	Số dự phòng đã lập
		Tổng số	Tăng	Giảm	Tổng số	
A		1	4	5	6	9
1. Phải thu của khách hàng	5.1	3.021.874.384	122.718.007.685	55.485.622.069	70.254.260.000	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5.2	204.803.989.935	6.427.960.087.256	6.583.640.121.018	49.123.956.173	
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán		95.238.763.935	3.753.751.131.256	3.805.390.697.018	43.599.198.173	
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán		109.565.226.000	2.674.208.956.000	2.778.249.424.000	5.524.758.000	
3. Phải thu khác		21.010.457.655	123.954.966.034	144.904.951.614	60.472.075	
Tổng cộng		228.836.321.974	6.674.633.060.975	6.784.030.694.701	119.438.688.248	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-CTCK

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2010	8.694.980.145	2.150.277.300	264.490.112	11.109.747.557
<i>Tăng trong năm</i>	<i>644.044.788</i>	-	<i>22.432.300</i>	<i>666.477.088</i>
Mua trong năm	644.044.788		22.432.300	666.477.088
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	<u>9.339.024.933</u>	<u>2.150.277.300</u>	<u>286.922.412</u>	<u>11.776.224.645</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2010	3.854.729.000	771.021.000	139.404.000	4.765.154.000
<i>Tăng trong năm</i>	<i>3.111.206.000</i>	<i>430.056.000</i>	<i>95.628.000</i>	<i>3.636.890.000</i>
Khấu hao trong năm	3.111.206.000	430.056.000	95.628.000	3.636.890.000
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-
Số dư tại 31/01/2010	<u>6.965.935.000</u>	<u>1.201.077.000</u>	<u>235.032.000</u>	<u>8.402.044.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2010	<u>4.840.251.145</u>	<u>1.379.256.300</u>	<u>125.086.112</u>	<u>6.344.593.557</u>
Tại 31/12/2010	<u>2.373.089.933</u>	<u>949.200.300</u>	<u>51.890.412</u>	<u>3.374.180.645</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2010	2.338.011.000	1.364.782.548	3.702.793.548
Tăng trong năm	100.000.000	-	100.000.000
Mua trong năm	100.000.000		100.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	2.438.011.000	1.364.782.548	3.802.793.548
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2010	164.746.000	745.569.000	910.315.000
Tăng trong năm	790.452.000	454.920.000	1.245.372.000
Khấu hao trong năm	790.452.000	454.920.000	1.245.372.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	955.198.000	1.200.489.000	2.155.687.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2010	2.173.265.000	619.213.548	2.792.478.548
Số dư tại 31/12/2010	1.482.813.000	164.293.548	1.647.106.548

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	413.159.642	1.266.128.998
<i>Chi phí trước thành lập</i>	-	139.964.616
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	66.005.130	55.500.122
<i>Khác</i>	347.154.512	1.070.664.260
Cộng	413.159.642	1.266.128.998

9. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Tiền nộp ban đầu:	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung:	971.926.399	41.871.591
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ:	60.553.774	21.571.671
Cộng	1.152.480.173	183.443.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-CTCK***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	3.600.000.000
Cộng	-	3.600.000.000

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	189.435.142	12.184.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.498.981	2.330.256.870
Thuế thu nhập cá nhân	136.483.821	312.867.848
Cộng	357.417.944	2.655.308.981

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	329.242.385	680.755.990
Cộng	329.242.385	680.755.990

13. PHẢI TRẢ GIAO DỊCH HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	2.218.557.000	46.212.716.000
Phải trả tiền bán CK cho NĐT	5.524.758.000	109.565.226.000
Phải trả tiền GDCK của NĐT	3.194.846.150	6.600.275.314
Cộng	10.938.161.150	162.378.217.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	71.688.229	5.630.963
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.177.736.200	21.978.487.001
<i>Phạm Thị Thành Thủy (***)</i>	<i>50.000.000.000</i>	
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>	<i>129.000</i>	
<i>Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (**)</i>	<i>3.177.607.200</i>	
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt (*)</i>		<i>20.226.000.000</i>
<i>Khác</i>		<i>1.752.487.001</i>
Cộng	53.249.424.429	21.984.117.964

- (*) Phải trả hợp tác ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là khoản tiền Công ty hợp tác với Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt về việc cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng của Công ty theo Hợp đồng hợp tác số 01/2009/BVB-ART/LK-UT ngày 13/04/2009.
- (**) Phải trả hộ tiền Nhà đầu tư mua cổ phần, tiền đặt cọc của Nhà đầu tư tham gia đấu giá theo Hợp đồng Dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá Cổ phần số 48/2009/HĐ-Artex-SCIC ngày 09/09/2009.
- (***) Hợp đồng Ủy thác Quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/ARTEX-PTTT ngày 29/09/2010 với Bên ủy Thác là Bà Phạm Thị Thành Thủy số tiền 50.000.000.000 đồng. Thời hạn Ủy thác là 90 ngày kể từ ngày giải ngân, Lãi suất ủy thác cố định là 16.2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***MẪU B 09-CTCK****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2009	135.000.000.000				135.000.000.000
Tăng trong năm	-	-	-	31.872.548.702	31.872.548.702
Lãi kinh doanh				31.872.548.702	31.872.548.702
Giảm trong năm	-	-	-	21.674.703.665	21.674.703.665
Giảm khác				21.674.703.665	21.674.703.665
Số dư tại 31/12/2009	135.000.000.000	-	-	10.197.845.037	145.197.845.037
Số dư tại 01/01/2010	135.000.000.000		-	10.197.845.037	145.197.845.037
Tăng trong năm	-	509.892.252	509.892.252	387.734.433	1.407.518.937
Phân phối lợi nhuận		509.892.252	509.892.252		1.019.784.504
Lãi kinh doanh				387.734.433	387.734.433
Giảm trong năm	-	-	-	10.197.845.037	10.197.845.037
Giảm khác				10.197.845.037	10.197.845.037
Số dư tại 31/12/2010	135.000.000.000	509.892.252	509.892.252	387.734.433	136.407.518.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-CTCK

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

TT Tên thành viên	Theo Giấy cấp phép và hoạt động của Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước			Theo thực tế vốn góp 31/12/2010		
	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
1. Công ty CP XNK Thủ Công và Mỹ Nghệ (*)	1.900.000	19.000.000.000	14%	-	-	0%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	3.650.000	36.500.000.000	27%	3.650.000	36.500.000.000	27%
3. TCT Máy động lực và Máy Nông nghiệp (**)	3.200.000	32.000.000.000	24%	-	-	0%
4. Trịnh Văn Quyết	1.000.000	10.000.000.000	7%	6.100.000	61.000.000.000	45%
5. Đường Ngọc Hà	2.000.000	20.000.000.000	15%	2.000.000	20.000.000.000	15%
6. Các cổ đông khác	1.750.000	17.500.000.000	13%	1.750.000	17.500.000.000	13%
Cộng	13.500.000	135.000.000.000	100%	13.500.000	135.000.000.000	100%

(*) Theo Quyết định số 465/QĐ-UBCK ngày 16 /06/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chấp thuận chuyển nhượng 1.900.000 cổ phần từ Công ty Cổ phần XNK Thủ Công và Mỹ Nghệ - Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex sang bên nhận chuyển nhượng là Ông Trịnh Văn Quyết - Cổ đông Sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

(**) Theo Quyết định số 764/QĐ-UBCK ngày 30/09/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chấp thuận chuyển nhượng 3.200.000 cổ phần từ Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông Nghiệp đông sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex sang bên nhận chuyển nhượng là Ông Trịnh Văn Quyết - Cổ đông Sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-CTCK***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.498.981	2.330.256.870
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	31.498.981	2.330.256.870

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	419.233.414	34.202.805.572
+ Các khoản điều chỉnh tăng	641.111.111	416.000.000
- <i>Thù lao HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành</i>	641.111.111	416.000.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	934.348.600	21.303.052.028
- <i>Cổ tức được chia</i>	934.348.600	325.222.800
- <i>Chuyển lỗ của năm trước</i>		20.977.829.228
Tổng thu nhập chịu thuế	125.995.925	13.315.753.544
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31.498.981	3.328.938.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm		998.681.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.498.981	2.330.256.870

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	387.734.433	31.872.548.702
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	387.734.433	31.872.548.702
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	29	2.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

18. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán	4.836.980	152.505.623.000
- Cổ phiếu	4.836.980	152.505.623.000
- Trái phiếu		
b) Cửa nhà đầu tư	151.088.275	5.269.763.856.000
- Cổ phiếu	151.088.275	5.269.763.856.000
- Trái phiếu		
Cộng	155.925.255	5.422.269.479.000

19. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược;	3.177.607.200	1.408.045.000
- Các khoản khác.	5.413.403.150	7.360.416.913
Cộng	8.591.010.350	8.768.461.913

20. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.



Trần Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng